TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2018/DS-ST
Ngày: 13 – 11 – 2018
V/v "tranh chấp hụi và hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc

2. Ông Lê Văn Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Trương Hoàng Lo – kiểm sát viên .

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018, về "tranh chấp nợ hụi và hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 700/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CT, xã Đ, thành phố C, tỉnh M.

2. Bị đơn: Bà Hà Ngọc G, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CT, xã Đ, thành phố C, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, bà Trần Thị Th trình bày: Ngày 15/4/2012 âm lịch, bà có mở 01 dây hụi, gồm 35 chân, loại hụi 1.000.000đ, mỗi tháng khui 01 kỳ, ngày mãn hụi là ngày 15/01/2015 âm lịch. Bà Hà Ngọc G đã tham gia chơi 01 chân hụi, đến ngày 15/6/2012 bà G hốt hụi là kỳ thứ 3, số tiền bỏ hụi 370.000đ, trừ tiền đầu thảo mỗi chưng 700.000đ, tổng số tiền lãnh hụi là 17.550.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà G đóng hụi chết đến ngày 15/12/2013 âm lịch thì ngưng không đóng tiếp. Tính đến ngày mãn hụi bà G còn nợ lại bà 15 lần hụi chết với số tiền 15.000.000 đồng.

Ngày 30/01/2013 âm lịch, bà có mở 01 dây hụi, gồm 29 chân, loại hụi 1.000.000đ, mỗi tháng khui 01 kỳ, ngày mãn hụi là ngày 30/4/2015 âm lịch. Bà Hà Ngọc G đã tham gia chơi 01 chân hụi, đến ngày 30/3/2013 bà G hốt hụi vào kỳ thứ

3, số tiền bỏ hụi là 370.000 đồng trừ tiền đầu thảo mỗi chân 700.000đ, tổng số tiền lãnh hụi là 21.460.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà G đóng hụi chết đến ngày 30/4/2014 âm lịch thì ngưng không đóng tiếp. tính đến ngày mãn hụi bà G còn nợ lại bà 16 lần hụi chết với số tiền 16.000.000 đồng.

Ngoài ra, Ngày 28/01/2014 âm lịch bà Hà Ngọc G còn vay của bà số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất thỏa Thận là 6%/tháng, khi vay bà G có viết giấy cam kết nhận nợ và giao cho bà biên bản về việc mở thừa kế và bản di chúc của cha bà G để tài sản lại cho bà làm tin.Từ khi vay bà G chỉ đóng lãi được 02 tháng. Từ đó đến nay không thanh toán vốn và lãi cho bà mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ bà G để yêu cầu bà G trả nợ nhưng bà G vẫn không trả.

Từ nội dung trên, bà yêu cầu bà G phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà 31.000.000đ tiền hụi; 75.000.000đ tiền vay. Tổng các khoản bà yêu cầu là 106.000.000đ.

* Đối với bà Hà Ngọc G, mặc dù đã được Tòa án, tống đạt và niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng bà G vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471, 474, 479 Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th về việc yêu cầu bà Hà Ngọc G thanh toán số tiền nợ hụi và tiền nợ vay tổng cộng là 106.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các bên đương sự bắt đầu phát sinh giao dịch từ ngày 15/4/2012 đến ngày 30/4/2015, Bà Th cho là bà G còn thiếu tiền hụi và tiền vay nên khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, loại việc tranh chấp được xác định là tranh chấp giao dịch hụi và hợp đồng vay nên Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có mặt; đối với bị đơn bà Hà Ngọc G, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng bà G vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên và bị đơn đặt ra được xác định là tranh chấp nợ hụi và hợp đồng vay tài sản. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định:

Vào các ngày 15/4/2012 âm lịch và ngày 30/01/2013 âm lịch, bà G có giao dịch hụi do nguyên đơn làm chủ, loại hụi tháng. Bà G đã tham gia 02 chân hụi ở 02 dây hụi khác nhau. Quá trình này bà G đã hốt hết các chân hụi nhưng không đóng hụi chết cho nguyên đơn, hiện nay hai dây hụi này đã mãn, bà G còn nợ lại số tiền 31.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và qua quá trình xác minh đối với những người chơi cùng dây hụi với bà G xác định bà Th có đứng ra mở hụi và các người chơi hụi thực tế có tham gia trong đó có bà G đúng như bà Th trình bày. Đồng thời các dây hụi hiện nay cũng đã mãn nên xác định việc giao dịch hụi giữa các bên là thực tế có xảy ra.

Đối với số tiền vay 75.000.000 đồng nguyên đơn cho bị đơn vay vào ngày 28/01/2014 có biên nhận và bà G có giao cho nguyên đơn biên bản mở thừa kế và di chúc giữ làm tin hiện nay các giấy tờ này nguyên đơn vẫn đang quản lý nên có cơ sở xác định hiện nay bà G vẫn chưa thanh toán cho bà Th khoản nợ vay này. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho bà G nhiều lần thông qua giao cho người nhà và thủ tục niêm yết công khai đến phiên tòa để cung cấp tài liệu, chứng cứ, đối chiếu nợ với bà Th nhưng bà G vẫn không có ý kiến phản hồi và cũng không có mặt để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên bà G phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ. Do đó, yêu cầu của bà Th về việc buộc bà G có nghĩa vụ thanh toán cho bà toàn bộ khoản nợ hụi và khoản nợ vay là hoàn toàn có căn cứ.

Như vậy, tổng các khoản nợ hụi, nợ vay bà G có nghĩa vụ thanh toán cho bà Th là: 31.000.000đ + 75.000.000đ = 106.000.000đ.

Bà Trần Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả lại biên bản về việc mở thừa kế và Di Chúc lại cho bà Hà Ngọc G.

[3] Tại phiên tòa, bà Th không yêu cầu bà G phải trả tiền lãi cho khoản tiền vay 75.000.000 đồng vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà G có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho bà Th nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; bà Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 471, 474, 479 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ các Điều 147, 184, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Th buộc bị đơn bà Hà Ngọc G có nghĩa vụ thanh toán cho bà Th tổng số tiền 106.000.000đ *(Một trăm lẻ sáu triệu đồng).*

Bà Trần Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả lại biên bản về việc mở thừa kế và Di Chúc lại cho bà Hà Ngọc G.

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà G không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bà Hà Ngọc G phải chịu 5.300.000đ (chưa nộp). Bà Th không phải chịu, ngày 07/6/2018, bà Th đã nộp tạm ứng án phí 2.650.000đ theo biên lai số 0000888 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
(Đã ký)

Trần Huyền Trân

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.